

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THAN UYÊN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày 24-10-2019

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Mỹ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Như và bà Hoàng Thị Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Phương – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐ-ST ngày 26/9/2019, Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2019/TB-TA ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên.

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991; Có mặt

Nơi cư trú: Bản X, xã MT, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh Đào Quốc Th, sinh năm 1988; Vắng mặt

Nơi cư trú: Bản X, xã MT, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank).

Địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Ngọc Kh: Bà Vũ Thị M – Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. (Theo văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch HĐTV Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam). Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

- Chị Vũ Thị H; sinh năm: 1977; Địa chỉ: Thôn A, MH, xã M, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Vũ Thị Đ; sinh năm: 1980; Địa chỉ: Thôn A, MH, xã M, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị L; sinh năm: 1989; Địa chỉ: thôn B, MT, xã M, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. **Có mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Đào Quốc Th tự nguyện tìm hiểu, sống chung có đăng ký kết hôn vào ngày 07/5/2012 tại UBND xã MT, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Sau khi kết hôn anh chị làm ăn sinh sống tại Bán X, xã MT, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Sống chung hạnh phúc đến năm 2015 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Th mắc tệ nạn xã hội, nghiện ma túy, chị L đã khuyên bảo và giúp đỡ anh Th cai nghiện nhiều lần nhưng không thành, anh Th lười lao động, thường xuyên mang tài sản trong nhà đem bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Từ đó mâu thuẫn gia đình trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn, kinh tế gia đình ngày càng khó khăn. Từ đầu năm 2019 đến nay anh chị đã không còn sống chung, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. chị L xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Th đã trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng với nhau nên chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đào Quốc Th.

Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị L và anh Th có một con chung chưa thành niên là cháu Đào Khánh L1, sinh ngày 07/8/2012. Trong thời gian chị L và anh Th không sống chung thì cháu Ly ở cùng với chị L. Ly hôn, chị L có yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Đào Khánh L1 cho đến khi cháu Ly thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Theo đơn khởi kiện ban đầu chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn. Tuy nhiên, do anh Đào Quốc Th có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và nợ chung nên chị L bổ sung yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung gồm:

Về tài sản chung gồm: một bộ nồi nấu rượu có giá là 1.300.000 đồng; một bình BIOGA có giá là 9.000.000 đồng; một tech nước Sơn Hà có giá là 2.500.000 đồng; một máy lọc nước có giá là: 2.000.000 đồng.

Về nợ chung: Nợ chị Vũ Thị H; Địa chỉ: Thôn 2 Minh Hạ, xã Minh Lương, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai số tiền 48.760.000 đồng; Nợ chị Vũ Thị Đ Địa chỉ: Thôn A, MH, xã ML, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai số tiền 12.780.000

đồng. Nợ chị Nguyễn Thị L; Địa chỉ: Thôn B MT, xã ML, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai số tiền 9.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị L có yêu cầu chia đôi tài sản và công nợ trên cho chị và anh Đào Quốc Th.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, kèm theo đơn khởi kiện chị L đã nộp cho Tòa án: Trích lục kết hôn, Trích lục khai sinh cháu Đào Khánh L1 số 23/TLKS-BS ngày 03/5/2019 do UBND xã MT, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu cấp; Hóa đơn bán hàng của cửa hàng bách hóa Ngân Đước; Hóa đơn bán hàng của cửa hàng bách hóa Phương Hiệp, việc giao nộp tài liệu chứng cứ đúng thời gian và đúng trình tự, thủ tục.

Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Đào Quốc Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian sống chung và đăng ký kết hôn như chị L trình bày là đúng. Anh Th công nhận nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh Th mắc tệ nạn xã hội, nghiện chất ma túy năm 2018, trong thời gian anh sử dụng ma túy vợ chồng thường xuyên bất hòa nhưng với sự động viên của gia đình và nỗ lực của bản thân, nay anh đã cai nghiện ma túy và không còn sử dụng nữa. Anh Th công nhận anh và chị L đã không còn sống chung từ đầu năm 2019 đến nay. Anh Th đã nhận thức được lỗi lầm của mình, anh còn thương vợ và thương con nên không đồng ý ly hôn với chị L.

Về nuôi con chung: Anh Th công nhận anh và chị L có một con chung như chị L trình bày là đúng. Nếu chị L vẫn giữ yêu cầu ly hôn thì anh Th có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đào Khánh L1, sinh ngày 07/8/2012 cho đến khi cháu Ly thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh Th không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung:

Ngày 03/6/2019 anh Đào Quốc Th có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn gồm:

Về tài sản chung:

Một máy xát có giá là 21.600.000 đồng

Một máy làm đậu có giá là: 9.300.000 đồng

Một ti vi có giá là: 4.500.000 đồng

Một tủ lạnh có giá là: 2.000.000 đồng

Một máy giặt có giá là: 2.500.000 đồng

Một xe máy có giá là: 10.000.000 đồng

Một nhà xây cấp bốn, lợp ngói pro xi măng, vị trí: Bản X, xã MT, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu xây trên đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đào Quốc Th có giá là: 85.000.000 đồng.

Một thửa đất có diện tích 290m², vị trí: Thôn A MH, xã ML, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai, đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất

nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Văn T, cũng ở cùng địa chỉ trên, và có giấy tờ chuyển nhượng có giá là 55.000.000 đồng.

Tiền bán 27 con lợn có giá là: 25.000.000 đồng (anh Th đang giữ)

Tiền bán 07 con lợn có giá là 18.000.000 đồng (chị L đang giữ).

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Than Uyên số tiền 120.000.000 đồng thời điểm hiện tại theo Hợp đồng tín dụng năm 2017.

Tổng giá trị tài sản chung và nợ chung anh Th yêu cầu Tòa án giải quyết là 362.900.000 đồng.

Anh Th có yêu cầu chia đôi tài sản và nợ chung. Đối với những tài sản và nợ chung mà chị L đã kê khai anh Th công nhận là tài sản chung và nợ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên anh Th khẳng định những khoản nợ mà chị L kê khai anh Th đã đưa tiền cho chị L để trả nợ và những khoản nợ nó đã được thanh toán xong nên anh Th không đồng ý trả nợ cùng chị L.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, kèm theo đơn yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung anh Th đã nộp cho Tòa án: Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 666933 hộ anh Đào Quốc Th. Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Hoàng Văn T cho anh Đào Quốc Th, chị Nguyễn Thị L và một giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay. Hợp đồng tín dụng số 7805LAV201700 của Ngân hàng NN&PTNT huyện Than Uyên với chị Nguyễn Thị L. Việc giao nộp tài liệu chứng cứ đúng thời gian và đúng trình tự, thủ tục.

Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình bày:

Năm 2017, căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số 7805LAV201702170 ngày 20/9/2017 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 7805LCL201700527 ngày 19/9/2017 giữa anh Đào Quốc Th và chị Nguyễn Thị L và Phòng giao dịch Mường Than thuộc Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Than Uyên xác định anh Th và chị L vay của Ngân hàng là 150.000.000 đồng vào năm 2017, dư nợ đến ngày 20/7/2019 là 120.000.000 đồng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BĐ666933, diện tích là 259,9m² và tài sản gắn liền với đất là một nhà xây cấp bốn lợp mái prôximăng. Vì vậy, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không có yêu cầu phân tố, tuy nhiên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Than Uyên giải quyết: giữa chị L và anh Th ai là người được sở hữu những tài sản đang thế chấp thì phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng.

Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Được trình bày:

Từ năm 2018 đến ngày 12/4/2019 chị Đ đã cho vợ chồng chị L, anh Th nợ tiền đầu tư là 12.780.000 đồng. Người trực tiếp lấy đầu tư là chị L, việc

lấy đậu tương diễn ra thường xuyên nên các bên đã lập sổ theo dõi và mỗi lần chốt nợ đều được hai bên thống nhất và không ghi thời hạn trả. Chị Đ không có yêu cầu độc lập nhưng có ý kiến yêu cầu anh Th, chị L phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền trên cho chị Đ.

Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Hiệp trình bày:

Từ năm 2016 đến ngày 13/3/2019 vợ chồng anh Th, chị L lấy nợ hàng hóa của chị Hiệp gồm máy xát gạo, máy làm đậu, cám lợn tổng là 48.760.000 đồng. Việc lấy hàng hóa được ghi vào sổ theo dõi của chị Hiệp, mỗi lần chốt nợ đều được hai bên thống nhất và không ghi thời hạn trả. Chị Hiệp không có yêu cầu độc lập nhưng có ý kiến yêu cầu anh Th, chị L phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền trên cho chị.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị L trình bày:

Tháng 4 năm 2019 chị L cho vợ chồng anh Th, chị L vay số tiền 9.000.000 đồng mục đích để anh chị lập bình BIOGA, do là chị em trong nhà nên giữa các bên không lập biên bản về việc vay tiền và thỏa thuận thời hạn trả nợ là một tháng kể từ thời điểm vay. Chị L không có yêu cầu độc lập nhưng có ý kiến yêu cầu anh Th, chị L phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền trên cho chị.

Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án và tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự theo đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ, thành lập hội đồng định giá tài sản, ủy thác thu thập tài liệu chứng cứ, xác minh tại UBND xã MT, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Để xác định giá trị tài sản đang tranh chấp Tòa án đã thông báo cho các đương sự về việc đưa ra giá trị tài sản đang tranh chấp. Sau khi nhận thông báo của Tòa án, chị L và anh Th đưa ra giá trị tài sản đang tranh chấp như sau:

Những tài sản chị L và anh Th đã thỏa thuận được về giá: Một máy xát có giá là 21.600.000 đồng; Một máy làm đậu có giá là: 9.300.000 đồng; Một ti vi có giá là: 4.500.000 đồng; Một tủ lạnh có giá là: 2.000.000 đồng; Một máy giặt có giá là: 2.500.000 đồng; Một xe máy có giá là: 10.000.000 đồng; Một nhà xây cấp bốn, lợp ngói pro xi măng, vị trí: Bản X, xã MT, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu xây trên đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Đào Quốc Th có giá là: 85.000.000 đồng; 01 bộ nồi nấu rượu có giá là 1.300.000 đồng; một bình BIOGA có giá là 9.000.000 đồng; một tech nước Sơn Hà có giá là 2.500.000 đồng; một máy lọc nước có giá là: 2.000.000 đồng. Tiền bán 07 con lợn có giá là 18.000.000 đồng (chị L đang giữ).

Tổng giá trị tài sản các đương sự đã thỏa thuận được về giá là 167.700.000 đồng.

Riêng thửa đất có diện tích 290m², vị trí: Thôn A, MH, xã ML, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai, đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Văn Tiệp, cũng ở cùng địa chỉ trên, và có

giấy tờ chuyển nhượng anh Th đưa ra giá là 80.000.000 đồng, chị L đưa ra giá là 60.000.000 đồng. Anh chị không yêu cầu thành lập hội đồng định giá tài sản.

Tiền bán 27 con lợn anh Th đưa ra giá là 25.000.000 đồng, chị L đưa ra giá là 81.000.000 đồng. Nội dung này anh chị không thống nhất được có đơn yêu cầu thành lập Hội đồng định giá tài sản để định giá trị giá của 27 con lợn mỗi con trung bình 70kg. Ngày 19/7/2019 Hội đồng định giá tài sản huyện Than Uyên kết luận giá bán 27 con lợn vào tháng 5, tháng 6 năm 2019 tại thị trường huyện Than Uyên có giá là 78.435.000 đồng.

Sau khi thu thập tài liệu chứng cứ và các chứng cứ do các bên giao nộp, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã tiến hành phiên họp, kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để đảm bảo quyền và lợi ích của các bên đương sự đã được quy định. Tuy nhiên, anh Th dù đã được triệu tập họp lệ nhưng anh đều không có mặt để tham gia. Căn cứ vào các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Trong phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ nhất vào ngày 26/9/2019, anh Đào Quốc Th vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 26/9/2019.

Đến ngày 24/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên mở lại phiên tòa theo Thông báo số 01/TB-TA ngày 27/9/2019 về việc mở lại phiên tòa dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Đào Quốc Th. chị L xin rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Anh Đào Quốc Th đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn; về quan hệ hôn nhân anh không nhất trí ly hôn và có nguyện vọng nuôi con chung. Tuy nhiên Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng anh Th vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt giữ nguyên ý kiến của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, **Thư ký phiên tòa** đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Đương sự trong vụ án từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 85, khoản 1 Điều 89; Điều 91; Điều 92, Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 5, 147, **217**, 218, **219**, 227, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 18, Điều **27** Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn với anh Đào Quốc Th.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Đào Khánh L1, sinh ngày 07/8/2012 cho đến khi cháu L1 thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Do chị L không có yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Th cho đến khi chị L có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung và công nợ chung: Trước khi mở phiên tòa anh Đào Quốc Th đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản và công nợ chung. Tại phiên tòa chị L xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung, xét thấy việc rút yêu cầu của các đương sự là tự nguyện, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của chị Nguyễn Thị L **và anh Đào Quốc Th.**

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên căn cứ vào Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quyền lợi của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sẽ được giải quyết thành vụ án khác khi họ có yêu cầu.

Về chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và án phí: Chị Nguyễn Thị L và anh Đào Quốc Th phải nộp chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ tranh chấp là *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là anh Đào Quốc Th, trú tại bản Bản X, xã MT, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn là anh Đào Quốc Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Căn cứ vào trích lục kết hôn số 22/TLKH-BS ngày 03/5/2019 của UBND xã MT, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu xác định thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân của chị L và anh Th là ngày 07/5/2012 đến ngày 14/5/2019 chị L có yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử căn

căn cứ vào khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 là pháp luật nội dung làm căn cứ để giải quyết vụ án.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, trích lục kết hôn, biên bản xác minh tại UBND xã MT, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã xác định chị Nguyễn Thị L và anh Đào Quốc Th sống chung có đăng ký kết hôn vào ngày 07/5/2012 tại UBND xã MT, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Th là hôn nhân hợp pháp. chị L và anh Th đều công nhận nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh Th mắc tệ nạn xã hội, nghiện ma túy nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, anh chị không còn sống chung từ đầu năm 2019 đến nay. Mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã tiến hành hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Th. Hội đồng xét xử nhận định, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do anh Th mắc tệ nạn xã hội, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn, các bên đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng như không còn yêu thương nhau, không còn sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình và hiện nay anh chị đã ly thân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào các quy định tại Điều 85, khoản 1 Điều 89; Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

[4]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị L và anh Th có một con chung chưa thành niên là cháu Đào Khánh L1, sinh ngày 07/8/2012. Trong thời gian chị L và anh Th không sống chung thì cháu Ly ở cùng với chị L. chị L và anh Th đều có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận định, chị L và anh Th đều là lao động tự do, có mức thu nhập ngang nhau. Từ khi anh chị không sống chung thì cháu Ly ở cùng với chị L, anh Th công nhận mình nghiện ma túy đến nay đã cai nghiện nhưng hiện tại anh Th không có mặt tại địa phương, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và xét nguyện vọng của cháu Ly là muốn ở cùng với mẹ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 92, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 giao cháu Ly cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do chị L không có yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Th cho đến khi chị L có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

[5]. Về tài chung và nợ chung: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L rút yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung. Bị đơn anh Đào Quốc Th đã có đơn rút yêu cầu chia tài sản và công nợ chung.

Hội đồng xét xử nhận định, chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, anh Th rút yêu cầu là tự nguyện nên căn cứ quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử

chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của chị L và anh Th.

Chị Nguyễn Thị L nhất trí với việc đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của anh Đào Quốc Th.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 sẽ xem xét, giải quyết quyền lợi của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thành vụ án khác khi họ có yêu cầu.

[6]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Căn cứ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chị L và anh Th đã thỏa thuận cùng nhau nộp chi phí xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng và chi phí định giá tài sản là 1.000.000 đồng. Xác nhận chị L và anh Th đã nộp xong chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

[7]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 18, Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Bị đơn anh Đào Quốc Th có đơn rút yêu cầu chia tài sản và công nợ chung nên đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ chung. Đồng thời trả lại tiền tạm ứng án phí giá ngạch về chia tài sản chung, nợ chung mà anh Th đã nộp là 9.072.500 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; các Điều 143, 147, 154, 155, 156, 157, 158, 164, 165, 217, 218, 219, 227, 244, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 131 Luật hôn nhân và đình năm 2014; Điều 85, khoản 1 Điều 89; Điều 91, Điều 92, Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điều 18, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn với anh Đào Quốc Th.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Đào Khánh

L1, sinh ngày 07/8/2012 cho đến khi cháu L1 thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L không có yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Th cho đến khi chị L có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Th có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị L. Chị L có quyền yêu cầu anh Th cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn anh Đào Quốc Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của chị Nguyễn Thị L và anh Đào Quốc Th.

Chị Nguyễn Thị L và anh Đào Quốc Th có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Quyền lợi của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sẽ được xem xét, giải quyết thành vụ án khác khi họ có yêu cầu.

4. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Xác nhận chị Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2010/0004163 ngày 14/5/2019 nay chuyển thành án phí.

Trả lại cho anh Đào Quốc Th số tiền tạm ứng án phí giá ngạch về chia tài sản chung, nợ chung mà anh Th đã nộp là 9.072.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2010/0004172 ngày 10/6/2019.

Chị L và anh Th đã thỏa thuận cùng nhau nộp chi phí xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng và chi phí định giá tài sản là 1.000.000 đồng. Xác nhận chị L và anh Th đã nộp xong chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Than Uyên (2b);
- Chi cục THA dân sự huyện Than Uyên;
- Các đương sự;
- UBND xã MT;
- Công bố trên Cổng TTĐT của Tòa án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lương Thị Mỹ Hằng

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như

Hoàng Thị Anh

Lương Thị Mỹ Hằng

